

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÓC MÔN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 285/2023/HS-ST
Ngày: 08-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thống

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, số I đường Q, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 290/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 24/02/1999 tại Tiền Giang. Hộ khẩu thường trú: Tổ 3 ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: Đường số C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phục vụ quán ăn; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc D1 và bà Võ Thị Thu S; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày: 19/5/2023; tạm giam ngày 28/5/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/12/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hộ khẩu thường trú: Không đăng ký; nghề nghiệp: Phục vụ quán ăn; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Thu T1; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày: 19/5/2023; tạm giam ngày 28/5/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1984

Địa chỉ: 2 L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tuấn D và Nguyễn Văn T cùng phục vụ tại quán dê tươi trên đường P, xã B, huyện H. Cả hai cùng nghiện ma túy và đã sử dụng chung ma túy với nhau ngày 13/5/2023, đến ngày 17/5/2023 D và T thống nhất cùng nhau góp tiền mua ma túy, sau khi hết giờ làm thì sử dụng chung. D là người ứng tiền để mua ma túy, sau đó T sẽ trả tiền lại.

Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 18/5/2023, D đến khu vực B, quận B mua của đối tượng tên B (chưa xác định lai lịch) một gói ma túy đá với giá 200.000 đồng rồi đem về cất giấu vào bụi cây trước quán dê tươi Bà Đ và đi vào làm việc. Đến khoảng 23 giờ thì hết giờ làm việc, D nói với T đã mua ma túy với giá 200.000 đồng, T trả cho D 100.000 đồng. D cất tiền và đi vào bụi cây lấy ma túy cùng 01 nỏ thủy tinh (khi mua ma túy được bán kèm theo) cất giấu vào túi quần trước bên trái đang mặc rồi điều khiển xe máy biển số 54N1-6792 chở T đi tìm nơi vắng người để sử dụng ma túy. Khoảng 01 giờ ngày 19/5/2023, khi cả hai đang lưu thông đến trước địa chỉ số B P, ấp B, xã X, huyện H thì bị tổ công tác 363 Công an huyện H phối hợp cùng Công an xã X tiến hành kiểm tra, lập biên bản bắt quả tang và đưa về trụ sở làm việc.

Theo Kết luận giám định số 5428/KL-KTHS ngày 26/5/2023 của Phòng K Công an Thành phố H xác định: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có các dấu vân tay màu đỏ, các chữ ký tên Nguyễn Tuấn D, Nguyễn Văn T và hình dấu Công an xã X, huyện H được kí hiệu mẫu m là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2359g loại Methamphetamine (bút lục số 66).

Tại bản cáo trạng số 282/CT-VKSHM, ngày 26/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn D và Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Tuấn D và Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các bị cáo

Sau khi phát biểu ý kiến kết luận về vụ án, phân tích đánh giá các chứng cứ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố các bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên mức án đối với bị cáo **Nguyễn Tuấn D** từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù; đối với bị cáo **Nguyễn Văn T** từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo **D, T**; tịch thu tiêu hủy ma túy, đoạn ống thủy tinh; trả điện thoại di động cho các bị cáo; tịch thu sung Ngân sách nhà nước 100.000 đồng; tiếp tục giao chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe gắn máy.

Lời nói sau cùng của các bị cáo **Nguyễn Tuấn D** và **Nguyễn Văn T**: Các bị cáo đã rất hối hận về hành vi của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo **Nguyễn Tuấn D** và **Nguyễn Văn T** tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, biên bản về việc bắt người quả tang, thu giữ vật chứng, ...cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo khai nhận:

[2] Để thỏa mãn cơn nghiện ma túy nên các bị cáo đã có hành vi mua ma túy về sử dụng, cụ thể: Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 18/5/2023, bị cáo **D** đến khu vực **B, quận B** mua của đối tượng tên **B** (chưa xác định lai lịch) một gói ma túy đá với giá 200.000 đồng rồi đem về cất giấu vào bụi cây trước quán dê tươi Bà **D** và đi vào làm việc. Đến khoảng 23 giờ thì hết giờ làm việc, bị cáo **D** nói với bị cáo **T** đã mua ma túy với giá 200.000 đồng, bị cáo **T** trả cho bị cáo **D** 100.000 đồng. bị cáo **D** cất tiền và đi vào bụi cây lấy ma túy cùng 01 nỏ thủy tinh (khi mua ma túy được bán kèm theo) cất giấu vào túi quần trước bên trái đang mặc rồi điều khiển xe máy biển số 54N1-6792 chở bị cáo **T** đi tìm nơi vắng người để sử dụng ma túy. Khoảng 01 giờ ngày 19/5/2023, khi cả hai bị cáo **D** và **T** đang lưu thông đến trước địa chỉ **số B P, ấp B, xã X, huyện H** thì bị tổ công tác 363 **Công an huyện H** phối hợp cùng **Công an xã X** tiến hành kiểm tra, lập biên bản bắt quả tang và đưa về trụ sở làm việc.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Với những tình tiết được chứng minh như trên, **H** đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận các bị cáo **Nguyễn Tuấn D** và **Nguyễn Văn T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; nên Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, **H** đồng xét xử xét thấy các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối lỗi. Do vậy, **H** đồng xét xử có xem xét, cân nhắc khi lượng hình phạt cho các bị cáo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là thỏa đáng.

[5] Các bị cáo thừa biết ma túy là chất gây nghiện mang tính độc hại cao, do đó đã bị Nhà nước cấm mua bán dưới bất kỳ hình thức nào. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến chế độ quản lý độc quyền về các chất gây nghiện của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Vì vậy, đối với hành vi này cần phải được nghiêm trị trước pháp luật, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo đồng thời có tác dụng phòng ngừa chung. Trong vụ án này, cả hai bị cáo **D** và **T** đều nghiện ma túy, cùng góp tiền để cùng mua ma túy để sử dụng, vì vậy cả hai cùng có tính chất, mức độ như nhau đối với hành vi phạm tội của hai bị cáo.

[6] Đối với người thanh niên tên **B** bán ma túy (không rõ lai lịch) cho các bị cáo, đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[7] Về vật chứng vụ án:

- 01 gói ma túy niêm phong số vụ 1151/23.
- 01 đoạn ống thủy tinh.
- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 7 Plus màu đen thu giữ của bị **D**, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu vàng thu giữ của bị cáo **T** (đây là điện thoại của hai bị cáo sử dụng vào việc liên lạc cá nhân, không liên quan đến việc sử dụng ma túy) xét nên trả lại cho các bị cáo.
- 01 xe máy biển số 54N1-6792, số khung RLGSM11BH81006450, số máy VMSM3B-H-006450 do ông **Nguyễn Hoàng E** đứng tên chủ sở hữu. Kết quả xác minh hiện ông **E** không có mặt tại địa phương (bút lục số 127) nên Cơ quan điều tra chưa tiến hành lấy lời khai. Bị cáo **T** khai mua xe của người khác nhưng không làm giấy mua bán, không biết họ tên, địa chỉ người bán. Xét đây là xe sử dụng vào việc phạm tội nên tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp trong hạn 6 tháng. Trường hợp không tìm được chủ sở hữu hợp pháp thì tịch thu sung quỹ nhà nước.
- 100.000 đồng tiền ngân hàng Việt Nam, bị cáo **T** trả tiền mua ma túy cho bị cáo **D**.

[8] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Ở dạng tội phạm này, ngoài hình phạt tù ra các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn cũng như không có khả năng nộp phạt nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Tuấn D** và **Nguyễn Văn T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tuấn D** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2023.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2023.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo **Nguyễn Tuấn D** và **Nguyễn Văn T**.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói ma túy niêm phong số vụ 1151/23, 01 (một) đoạn ống thủy tinh.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 100.000 (một trăm ngàn) đồng tiền ngân hàng Việt Nam.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone 7 Plus màu đen cho bị cáo **D**, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu vàng cho bị cáo **T**.

- Giao chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu hợp pháp xe gắn máy biển số 54N1-6792, số khung RLGSM11BH81006450, số máy VMSM3B-H-006450 trong hạn 6 tháng. Hết hạn nêu trên mà không có ai chứng minh là chủ sở hữu hợp pháp thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25/10/2023, bút lục số 140).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo **D** và bị cáo **T** mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận toàn sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an huyện Hóc Môn;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Các bị cáo;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an PC53;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thống